

Số: 2263 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp  
của tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính  
phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định  
hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ  
Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá  
chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ban  
Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến  
năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm  
2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm  
2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa  
Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số  
2212/TTr-STTTT ngày 16 tháng 8 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ chính quyền số các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Cục CĐSQG (Bộ TT&TT);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ CÁC CẤP  
CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2263/QĐ-UBND ngày 27/9/2023  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng đánh giá**

a) Phạm vi điều chỉnh

Phục vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là cấp Sở, ban, ngành);

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế (gọi chung là UBND cấp huyện);

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã);

- Các cơ quan, tổ chức khác có thể tham khảo sử dụng bộ chỉ số này để đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức mình nếu có nhu cầu.

**2. Mục tiêu và yêu cầu**

a) Mục tiêu

Việc xây dựng Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của tỉnh Thừa Thiên Huế (Sau đây gọi tắt trong tiếng Việt là Bộ chỉ số chuyển đổi số của tỉnh, viết tắt trong tiếng Anh là HueDTI) nhằm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện.

Giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời nắm tình hình để chỉ đạo, đôn đốc, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Yêu cầu

- Bám sát nội dung chương trình chuyển đổi số của tỉnh và Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia.

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của tỉnh và

đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Có tính nhất quán về chu kỳ đánh giá và dữ liệu, số liệu để phục vụ đánh giá; Tăng cường thu thập dữ liệu sẵn có từ các nền tảng do cơ quan nhà nước quản lý để phục vụ đánh giá;

- Có tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với thực tiễn;

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, cập nhật liên tục về kết quả triển khai chuyển đổi số của các sở ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh. Sử dụng hệ thống phần mềm báo cáo hỗ trợ thu thập và tính toán DTI để phục vụ cho việc tính toán, cập nhật DTI.

- Đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong áp dụng, triển khai.

## II. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC CẤP CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

### 1. Cấu trúc, thang điểm

a) Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng DTI của các Sở, ban ngành và địa phương:

- Đối với cấp Sở, ban ngành:

Gồm Thông tin chung (cung cấp các thông tin tổng quan về Sở, ban, ngành nhưng không dùng để đánh giá) và Chỉ số đánh giá gồm 09 chỉ số chính với 45 chỉ số thành phần, 69 chỉ số tiêu thành phần; thang điểm 500.

- Đối với cấp huyện:

Gồm Thông tin chung (cung cấp các thông tin tổng quan về huyện/ thị xã/ thành phố Huế nhưng không dùng để đánh giá) và Chỉ số đánh giá gồm 08 chỉ số chính với 63 chỉ số thành phần, 93 chỉ số tiêu thành phần; thang điểm 730.

- Đối với cấp xã:

Gồm Thông tin chung (cung cấp các thông tin tổng quan về huyện/ thị xã/ thành phố Huế nhưng không dùng để đánh giá) và Chỉ số đánh giá gồm 08 chỉ số chính với 48 chỉ số thành phần, 77 chỉ số tiêu thành phần; thang điểm 600.

ST T	Chỉ số chính	Cấp Sở, ban ngành			Cấp huyện			Cấp xã		
		Chỉ số thành phần	Chỉ số tiêu thành phần	Tổng điểm	Chỉ số thành phần	Chỉ số tiêu thành phần	Tổng điểm	Chỉ số thành phần	Chỉ số tiêu thành phần	Tổng điểm
1	Nhận thức số	7	13	60	8	16	90	8	16	90

2	Thẻ ché số	5	5	45	8	8	70	3	3	25
3	Hạ tầng số	4	8	60	6	11	90	6	11	90
4	Nhân lực số	3	5	30	7	9	60	5	7	45
5	An toàn thông tin mạng	6	7	40	5	6	30	4	5	25
6	Hoạt động chính quyền số	16	25	195	13	21	165	12	19	165
7	Hoạt động kinh tế số	1	1	10	8	10	105	2	4	40
8	Hoạt động xã hội số	2	4	40	9	13	120	9	13	120
9	Đô thị thông minh	1	1	20	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	45	69	<b>500</b>	63	93	<b>730</b>	48	77	<b>600</b>

Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng DTI của các Sở, ban, ngành và địa phương được thể hiện ở các cột tương ứng: cấp Sở, ban, ngành; cấp huyện; cấp xã.

Chi tiết Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (các chỉ số chính, chỉ số thành phần, chỉ số tiểu thành phần, thang điểm (điểm tối đa), hướng dẫn thực hiện, tài liệu kiểm chứng) của các Sở, ban, ngành; cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quy định tại Phụ lục I, II, III tương ứng kèm theo của Quyết định này.

## 2. Phương pháp và trình tự đánh giá

### a) Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số đánh giá DTI

- Đối với cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện: Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì triển khai Bộ chỉ số đánh giá DTI.

- Đối với cấp xã: UBND cấp huyện tương ứng chủ trì triển khai Bộ chỉ số đánh giá DTI.

### b) Các cơ quan, đơn vị báo cáo số liệu

- Các cơ quan, đơn vị cập nhật số liệu và tài liệu kiểm chứng theo từng tiêu chí vào chức năng Báo cáo Bộ chỉ số DTI trên ứng dụng Hue-S hoặc Cổng chuyển đổi số tỉnh <https://dx.thuathienhue.gov.vn>. Các cơ quan, đơn vị theo dõi số liệu, thứ hạng chuyển đổi số trên các ứng dụng này.

- Các cơ quan, đơn vị có thể báo cáo số liệu theo thời gian thực sau khi hoàn thành các công việc triển khai theo hướng dẫn thực hiện của từng tiêu chí.

c) Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số đánh giá DTI phê duyệt số liệu

*\* Đối với cấp Sở, ban, ngành và địa phương:*

- Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số DTI sẽ phê duyệt số liệu báo cáo của các đơn vị gửi lên theo từng chỉ số bằng cách thực hiện rà soát tài liệu kiểm chứng, trên cơ sở tài liệu kiểm chứng, số liệu thống kê từ các hệ thống thông tin liên quan. Hệ thống sẽ tự động tính toán điểm theo từng chỉ số.

- Kết quả đánh giá sẽ được hiển thị trên hệ thống theo từng chỉ số.

- Kết quả đánh giá của các đơn vị được đơn vị chủ trì Bộ chỉ số DTI chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

- Sau khi có kết quả thẩm định, đơn vị chủ trì Bộ chỉ số DTI tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Trường hợp đặc biệt

Đối với các tiêu chí được cấp có thẩm quyền chấp nhận bằng văn bản cho phép không thực hiện hoặc không có nội dung thực hiện theo quy định không đánh giá các tiêu chí đó đối với cơ quan đơn vị tương ứng.

### **3. Xác định điểm đánh giá**

a) Điểm chỉ số chuyển đổi số của các Sở, ban, ngành và địa phương là điểm tổng của nhóm chỉ số nền tảng chung và nhóm chỉ số về hoạt động.

b) Thang điểm (Tổng điểm tối đa) của Bộ chỉ số chuyển đổi số:

- Cấp Sở, ban, ngành là 500 điểm.

- Cấp huyện là 730 điểm.

- Cấp xã là 600 điểm.

c) Điểm số các chỉ số được phép không thực hiện hoặc không có nội dung thực hiện theo quy định = (Tổng số điểm chấm các nhiệm vụ có thực hiện) x 100 / (Tổng số điểm quy định tối đa các nhiệm vụ có thực hiện).

d) Xếp hạng các đơn vị theo thứ tự từ cao đến thấp theo từng nhóm: Cấp Sở ban ngành, cấp huyện, cấp xã.

## **III. THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Thời gian đánh giá**

a) Đối với cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện:

Định kỳ hàng năm, các đơn vị thực hiện cung cấp, báo cáo số liệu phục vụ đánh giá theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định số liệu; tổng hợp, đánh giá, xếp hạng; trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trong Tháng 12 hằng năm.

Niên hạn lấy số liệu: Từ 01/11 năm trước đến 31/10 của năm hiện tại.

Thời hạn nhập số liệu: trước 01/11 của năm hiện tại.

b) Đối với cấp xã: do UBND cấp huyện tương ứng quyết định.

## **2. Thực hiện đánh giá và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng**

a) Đối với cấp Sở, ban, ngành và cấp huyện:

Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các Sở, ban, ngành và cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông công bố kết quả trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh tại địa chỉ: <https://dx.thuathienhue.gov.vn>.

b) Đối với cấp xã: do UBND cấp huyện tương ứng hướng dẫn.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, trình Sở Tài chính thẩm định.

2. Sở Tài chính bố trí kinh phí cho việc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp hàng năm, được dự toán chung vào kinh phí sự nghiệp của Sở Thông tin và Truyền thông.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện đánh giá chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện việc đánh giá chuyển đổi số các Sở, ban, ngành, địa phương cấp huyện trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị sử dụng chức năng Báo cáo Bộ chỉ số DTI trên ứng dụng Hue-S và Cổng chuyển đổi số tỉnh <https://dx.thuathienhue.gov.vn>.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ đưa kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Bộ tiêu chí này vào nội dung xác định trách nhiệm trong thực thi công vụ của người đứng đầu và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm của các Sở, ban, ngành, UBND cấp

huyện trên địa bàn tỉnh.

## **2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã**

a) Chỉ đạo thực hiện khảo sát, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo về chuyển đổi số hàng năm.

b) Phối hợp và tạo điều kiện để Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các ngành, địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**Phụ lục 1**  
**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**CẤP SỞ, BAN, NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2263 /QĐ-UBND ngày: 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

<b>Thông tin chung</b>		
<b>STT</b>	<b>Tên thông tin</b>	<b>Thông tin/ Số lượng</b>
1	Tên Sở/ Ban/ Ngành:	
2	Địa chỉ liên hệ chính thức:	
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức:	
4	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc Sở/ Ban/ Ngành:	
5	Số lượng công chức:	
6	Số lượng viên chức <i>(không tính viên chức thuộc các bệnh viện, trường học)</i> :	
7	Số lượng máy chủ vật lý:	
8	Số lượng máy trạm (PC, laptop):	
9	Số lượng hệ thống thông tin:	
10	Số lượng thủ tục hành chính:	

*Ghi chú: Phạm vi thống kê trong mục Thông tin chung là của Sở/ Ban/ Ngành tương ứng.*

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		500				
<b>I</b>	<b>Nhận thức số</b>	<b>60</b>				
<b>1</b>	<b>Người đứng đầu Sở, ban ngành là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số (BCĐ CDS)</b>					
1.1	Ban hành Quyết định thành lập BCĐ CDS của Sở, ban, ngành do người đứng đầu làm trưởng ban	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban, ngành thành lập BCĐ CDS của ngành do người đứng đầu (Giám đốc Sở hoặc tương đương) làm trưởng ban.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu đơn vị làm Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 100% tiêu chí - Cấp Phó của người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 50% tiêu chí</p>	File điện tử có ký số Quyết định thành lập.	
<b>2</b>	<b>Người đứng đầu Sở, ban ngành chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số (CDS)</b>					
2.1	Tham gia đầy đủ các phiên họp BCĐ CDS của tỉnh, huyện	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Thành viên BCĐ CDS của tỉnh từ các Sở, ban, ngành tham gia các cuộc họp BCĐ CDS của tỉnh; Thành viên BCĐ CDS của cấp huyện từ các đơn vị cấp xã tham gia họp BCĐ CDS của cấp huyện</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Số lượng cuộc họp tham gia là 4 cuộc cho 4 quý của năm đạt 2 điểm, tham gia 1 cuộc</p>	Văn bản báo cáo thông kê có ký số từ đơn vị chủ trì tổ chức (VB UBND tỉnh, VP UBND cấp huyện)	

				<p>được tính 0,5 điểm</p> <p>- Một số Sở, ban, ngành không có lãnh đạo đơn vị là thành viên BCD CDS của tỉnh nên sẽ không đánh giá tiêu chí này</p>		
2.2	Tổ chức phiên họp BCD CDS của Sở, ban ngành Quý 1	2	31.3	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban, ngành tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 1 <b>hoặc lồng ghép</b> các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 1 của Sở, ban, ngành.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>	
2.3	Tổ chức phiên họp BCD CDS của Sở, ban ngành Quý 2	2	30.6	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 2 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 2 của Sở, ban ngành.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận -Hình ảnh cuộc họp</p>	
2.4	Tổ chức phiên họp BCD CDS của Sở, ban ngành Quý 3	2	30.9	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 3 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 3 của Sở, ban ngành.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>	
2.5	Tổ chức phiên họp BCD CDS của Sở, ban ngành Quý 4	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 4 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 4 của Sở, ban ngành.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, hình</p>	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm	ảnh cuộc họp	
3	<b>Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu Sở, ban ngành ký</b>					
3.1	Văn bản chỉ đạo về chính quyền số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về chính quyền số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về Chính quyền số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 50% điểm tiêu chí</p>	Văn bản được ban hành (File điện tử có ký số) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
3.2	Văn bản chỉ đạo về kinh tế số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về kinh tế số liên quan lĩnh vực, địa phương quản lý trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về kinh tế số; Văn bản chỉ đạo công tác phát triển kinh tế số ....</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	Văn bản được ban hành (File điện tử có ký số)	

3.3	Văn bản chỉ đạo về xã hội số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về xã hội số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về xã hội số; Văn bản chỉ đạo CBCCVC, người lao động tham gia thúc đẩy phát triển xã hội số trực tiếp trên Hue-S trong các lĩnh vực cơ bản: Dịch vụ công, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp, y tế, giao dục, giao thông, du lịch.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	Văn bản được ban hành (File điện tử có ký số)	
<b>4</b>	<b>Chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số</b>					
4.1	Có tin, bài về CĐS cung cấp lên Cổng CĐS của tỉnh (tối thiểu 2 bài/ 1 năm)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị cung cấp thường xuyên các tin bài lên trang chuyên đổi số của tỉnh tại địa chỉ : <a href="https://dx.thuathienhue.gov.vn">https://dx.thuathienhue.gov.vn</a> , bao gồm: Tin hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, tin hoạt động của đơn vị, tin về kết quả của đơn vị liên quan đến hoạt động chuyên đổi số.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 02 tin bài được phê duyệt và đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh: đạt 100% điểm. - 01 tin bài: 50% điểm; 0 tin bài: 0 điểm</p>	Các đơn vị chủ động cung cấp file danh sách các tin bài đã được phê duyệt đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh.	
<b>5</b>	<b>Cổng thông tin điện tử của ngành có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					

5.1	Trang thông tin điện tử (TTĐT) của các Sở, ban ngành có chuyên mục CDS	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có khởi tạo chuyên mục đạt 100% điểm tiêu chí.</p>	Liên kết của chuyên mục CDS trên trang/ cổng thông tin điện tử	
5.2	Có tin, bài về CDS (tối thiểu 1 tháng 1 tin bài)	6	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: -Cập nhật tin bài tối thiểu 1 tin bài/1 tháng đạt 100% điểm tiêu chí ( Số tin bài được chấm điểm theo tỷ lệ % quy đổi )</p>	Báo cáo danh sách (Kèm theo liên kết trên trang/ cổng thông tin điện tử) bằng file điện tử	
<b>6</b>	<b>Tỉ lệ người dân có kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống trên nền tảng số</b>					
6.1	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động trong cơ quan nhà nước tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền đến CBCCVC, người lao động tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC truy cập kênh thông tin để nắm thông tin.</p>	Văn bản chỉ đạo triển khai có ký số và được thống kê từ hệ thống	
<b>II</b>	<b>Thế chế số</b>	<b>45</b>				
<b>1</b>	<b>Kế hoạch hành động 5 năm của Sở, ban ngành về chuyển đổi số</b>					

1.1	Các cơ quan, đơn vị ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 5 năm về chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch chuyển đổi số 5 năm 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp ngành, lĩnh vực.	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
2	<b>Kế hoạch hành động hằng năm của Sở, ban ngành về chuyển đổi số</b>					
2.1	Ban hành kế hoạch hằng năm của các Sở, ban, ngành về CĐS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm. 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp ngành, lĩnh vực, địa phương	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
3	<b>Tham gia hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh, thành phố</b>					
3.1	Các Sở, ban, ngành cử cán bộ dự tập huấn phổ biến kiến trúc Chính quyền điện tử	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban, ngành cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đầy đủ hội nghị triển khai, tổng kết Kiến trúc Chính quyền điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tham gia đầy đủ các nội dung triệu tập	Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị	
4	<b>Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác</b>					

	<b>chi cho chuyển đổi số</b>					
4.1	Các Sở, ban, ngành cử cán bộ dự tập huấn phổ biến công tác chi cho CDS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban, ngành cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đầy đủ hội nghị triển khai, tổng kết Kiến trúc Chính quyền điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có nhân sự đúng thành phần tham gia</p>	- Văn bản phân công nhân sự - File phải có sử dụng chữ ký số	
5	<b>Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>					
5.1	Ban hành chính sách của Sở, ban, ngành, địa phương về khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai các chương trình hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <p>- Chương trình/ chính sách cần có tính thu hút sự tham gia của người dân trong các nội dung chính sau: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm lệ phí và hỗ trợ trả kết quả tại nhà, doanh nghiệp và một số chương trình khác theo thực tiễn thế mạnh của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Không đánh giá tiêu chí này đối với các Sở, Ban, ngành không có TTHC tác động đến người dân và doanh nghiệp.</p>	File điện tử ký số Quyết định	



				- Nếu TTHC của đơn vị có trong danh mục UBND tỉnh ban hành khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT vẫn được tính điểm cho đơn vị đó.		
<b>III</b>	<b>Hạ tầng số</b>	<b>60</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh</b>					
1.1	Tỉ lệ CBCCVN, người lao động trong cơ quan, đơn vị (gồm đơn vị trực thuộc) có sử dụng điện thoại thông minh	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% nhân sự sử dụng điện thoại thông minh</li> <li>- 100% nhân sự cài đặt Hue-S theo số điện thoại sử dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu kiểm chứng qua Hue-S.</li> <li>- Sở TT&amp;TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị</li> </ul>	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ đơn vị kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng</b>					
2.1	Các Sở, ban, ngành có kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban, ngành triển khai lắp đặt kết nối mạng diện rộng tỉnh thông qua mạng số liệu chuyên dùng quốc gia (CP Net)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Kết nối thành công, đảm bảo dung lượng đường truyền theo số lượng máy.</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>2</b>	<b>Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây</b>					

2.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có sử dụng tài khoản điện toán đám mây	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương đăng ký tài khoản điện toán đám mây của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC đăng ký	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	
2.2	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có phát sinh dữ liệu trên điện toán đám mây dùng chung	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương có triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ công vụ của từng công chức, viên chức trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có dữ liệu phát sinh lưu trữ	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	
<b>3</b>	<b>Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung</b>					
3.1	Nền tảng Báo cáo số (khi Nền tảng được triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: + Các cơ quan, đơn vị triển khai sử dụng nền tảng báo cáo số (Trong công tác quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực – triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh để các đơn vị cấp dưới/ doanh nghiệp báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước -Sở, ban ngành). + Báo cáo số được tích hợp trên Hue-S, trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thừa Thiên Huế. 2. Điều kiện đảm bảo: Phát sinh và khai thác tối thiểu 5 báo cáo số	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
3.2	Nền tảng Số hóa (khi Nền tảng được triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh (được tích hợp trên Hue-S và trên địa chỉ sohoa.thuathienhue.gov.vn). 2. Điều kiện đảm bảo: - Có tối thiểu 5 đối tượng dữ	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	

				liệu (bảng dữ liệu) được số hóa lên nền tảng dùng chung		
3.3	Nền tảng làm việc số (khi Nền tảng được triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng làm việc số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web) 2. Điều kiện đảm bảo: - Đã đưa vào sử dụng	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
3.4	Nền tảng Quản lý bản đồ GIS (khi Nền tảng được triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng bản đồ số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web). 2. Điều kiện đảm bảo: - Có ít nhất một bản đồ được đưa vào sử dụng - Các sở, ngành, đơn vị nằm ngoài danh sách các đơn vị có tham mưu/ ban hành hướng dẫn bộ chuẩn dữ liệu GIS thì không đánh giá.	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>IV</b>	<b>Nhân lực số</b>	<b>30</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số</b>					

1.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm CDS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <p>- Các Sở, ban ngành ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số của đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng</b>					
2.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin mạng của đơn vị (chuyên trách đối với Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, khuyến khích đối với cấp xã; có thể sử dụng nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm CDS).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số</b>					
3.1	Tỉ lệ công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT (do Sở TTTT triển khai trong tỉnh)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị triển khai theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVN, NLĐ tham gia đào tạo khi có triển khai; Điểm được tính theo tỉ lệ.</p>	Sở TTTT thống kê từ hệ thống	Chỉ tính các năm có triển khai

3.2	Tự tổ chức hội nghị tập huấn (Tối thiểu 1 lần/năm)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tự tổ chức hoặc mời chuyên gia đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho CBCCVC trong đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có tổ chức tối thiểu 1 lần/ năm đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Các văn bản triển khai có ký số/ hình ảnh liên quan.
3.3	Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở TTTT tổ chức	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tham gia đầy đủ lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Nhân sự được phân công nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị đạt 50% điểm tiêu chí. - Tham gia đầy đủ thời gian và nội dung chương trình tập huấn đạt 50% điểm tiêu chí.</p>	<p>- Văn bản phân công nhân sự tham gia chương trình (bằng file điện tử).</p> <p>- Quyết định file điện tử có ký số.</p> <p>- Sở TT&amp;TT theo dõi, xác nhận đối chiếu với kết quả báo cáo của các đơn vị.</p>
<b>V</b>	<b>An toàn thông tin mạng</b>	40			
<b>1</b>	<b>Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ</b>				
1.1	Rà soát các hệ thống thông tin đảm bảo được cài đặt tập trung	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành rà soát, thống kê các hệ thống thông tin đảm bảo được cài đặt tập trung.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% được cài đặt tập trung</p>	Báo cáo có kí số có thống kê số liệu, danh sách hệ thống thông tin

2	<b>Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)</b>					
2.1	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống mã độc tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí.	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC)	
2.2	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại IOC	
3	<b>Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc</b>					
3.1	Tỉ lệ máy tính bị nhiễm mã độc	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - Không có máy tính bị nhiễm mã độc hoặc nếu có thì 100% máy tính bị nhiễm nhưng đã được xử lý, loại bỏ mã độc kịp thời	Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá qua thống kê theo dõi.	
4	<b>Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai</b>					

4.1	Các Sở, ban ngành cử thành viên tham gia diễn tập	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện cử thành viên tham gia diễn tập 2. Điều kiện đảm bảo: Có tham gia.	Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối chiếu với kết quả báo cáo của các đơn vị.	
5	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước					-
5.1	Số lượng sự cố đã phát hiện trong Sở, ban, ngành.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các công cụ tổ chức giám sát phát hiện và cảnh báo an toàn thông tin trên hệ thống mạng CPNet của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: Không có sự cố xảy ra (100% số điểm); mỗi sự cố xảy ra trừ 1 điểm; >= 5 sự cố: Không có điểm	Thống kê trên hệ thống	-
6	<b>Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước</b>					
6.1	Số lượng sự cố đã xử lý trong Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, xã	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông đảm bảo xử lý 100% sự cố an toàn thông tin trong đơn vị khi phát hiện sự cố mất an toàn thông tin. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có thực hiện xử lý khi xảy ra sự cố - Không xảy ra sự cố thì đạt điểm tối đa	Hình ảnh và hồ sơ kèm theo	
<b>VI</b>	<b>Hoạt động chính quyền số</b>	<b>195</b>				
<b>1</b>	<b>Triển khai Cổng dữ liệu mở</b>					

1.1	Công khai dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở	7	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: Các Sở, ban ngành cung cấp dữ liệu mở theo danh mục dữ liệu được ban hành kèm theo Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế lên Cổng dữ liệu mở cấp tỉnh tại địa chỉ <a href="https://data.thuathienhue.gov.vn">https://data.thuathienhue.gov.vn</a></p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% danh mục dữ liệu của ngành có trong Quyết định 06/2021/QĐ-UBND có dữ liệu được công khai.</p>	Sở TTTT trực tiếp rà soát	
1.2	Cập nhật dữ liệu có thay đổi theo thời gian	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: - Các Sở, ban ngành cập nhật dữ liệu có thay đổi theo thời gian</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có cập nhật dữ liệu</p>	Sở TTTT trực tiếp rà soát	
2	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT</b>					
2.1	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: - Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: có vận hành DVCTT trên Hue-S</p>	Văn bản triển khai; Hình ảnh giao diện triển khai; Sở TT&TT trực tiếp rà soát	
3	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp</b>					



3.1	Tỉ lệ xử lý phản ánh hiện trường đúng hạn, trước hạn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
3.2	Tỉ lệ mức độ hài lòng việc xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
3.3	Tỉ lệ trả lại phản ánh không đúng thẩm quyền, đúng thời gian	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
3.4	Tỉ lệ tương tác phản ánh của công dân có ý kiến	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
3.5	Tỉ lệ bức xúc kết quả xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	

<b>4</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT toàn trình</b>				
4.1	Tỉ lệ DVCTT toàn trình của các Sở, ban ngành	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% thủ tục hành chính đảm bảo đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và Công văn số 2781/STTTT-CNTT ngày 30/11/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về cung cấp các dịch vụ công trực tuyến một phần và dịch vụ công trực tuyến toàn trình”: đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Căn cứ Quyết định công bố dịch vụ công toàn trình của UBND tỉnh
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin</b>				
5.1	Tỉ lệ TTHC có biểu mẫu được điền sẵn thông tin qua eForm	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai biểu mẫu điện tử (Eform) theo quy định lên thủ tục hành chính trực tuyến. – Liên hệ Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <p>100% TTHC có quy định mẫu đơn, tờ khai được đăng ký biểu mẫu điện tử (Eform) đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Báo cáo danh sách thủ tục hành chính đã được cung cấp biểu mẫu khai điện tử (Eform)
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa</b>				
6.1	Tỉ lệ hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Thống kê trên hệ thống

6.2	Tỉ lệ hồ sơ DVCTT tái sử dụng hồ sơ điện tử	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai tái sử dụng hồ sơ điện tử 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ DVCTT được tái sử dụng	Hình ảnh/ video triển khai; Sở TTTT theo dõi trên hệ thống	
<b>7</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến</b>					
7.1	Tỉ lệ hồ sơ đăng ký trực tuyến trên tổng hồ sơ phát sinh	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị tham mưu các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia đăng ký DVCTT 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
<b>8</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến</b>					
8.1	Tỉ lệ hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
8.2	Tỉ lệ xử lý hồ sơ DVC trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% các bước quy trình xử lý dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng thông qua hệ thống dùng chung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
<b>9</b>	<b>Thanh toán DVC trực tuyến</b>					

9.1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, địa phương tăng cường tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tham gia thanh toán DVC trực tuyến trên cổng DVCTT 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
10	<b>Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT</b>					
10.1	Tỉ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT của Sở, ban ngành.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Sở Nội vụ tổ chức các giải pháp số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kế hoạch nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc xử lý DVCTT của Sở, ban ngành. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thuận theo số điểm	Từ hệ thống, Sở Nội vụ	
11	<b>Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung</b>					
11.1	Có triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành tổ chức triển khai tại đơn vị theo Bộ ngành từ Trung ương tổ chức hoặc theo hệ thống tỉnh (khi tỉnh có triển khai) 2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	

12	<b>Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước</b>					
12.1	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị cài đặt Hue-S và đăng ký tài khoản trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản</p>	Thống kê trên hệ thống	
12.2	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung</p>	Thống kê trên hệ thống	
12.3	Triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tỉ lệ CBCCVC và người lao động trong đơn vị tổ chức triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S (văn phòng số) tại đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tính tỉ lệ CBCCVC và người lao động sử dụng trên tổng điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	

<b>13</b>	<b>Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân</b>					
13.1	Có triển khai tối thiểu 05 cuộc họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành, địa phương tổ chức triển khai họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 05 cuộc họp	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
<b>14</b>	<b>Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước</b>					
14.1	Có triển khai báo cáo số tại các cơ quan, đơn vị	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành, địa phương tổ chức triển khai nền tảng báo cáo số tại đơn vị, địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai	Đánh giá thông qua theo dõi từ hệ thống	
<b>15</b>	<b>Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức</b>					
15.1	Tỉ lệ CBCCVC sử dụng nền tảng trợ lý ảo (khi đã triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành, địa phương tổ chức triển khai nền tảng trợ lý ảo tại đơn vị, địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC sử dụng	Thống kê trên hệ thống	
<b>16</b>	<b>Triển khai Trang thông tin điện tử</b>					

16.1	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24-06-2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở ban ngành, địa phương tổ chức triển khai cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% nội dung trên Trang thông tin điện tử được cung cấp theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP+F114</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>VII</b>	<b>Hoạt động kinh tế số</b>	<b>10</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP</b>					
1.1	Tỉ lệ CBCCVC có thực hiện giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị thực hiện thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ CBCCVC có phát sinh giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động xã hội số</b>	<b>40</b>				
<b>1</b>	<b>Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân</b>					
1.1	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token.</p>	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của Trung tâm chứng thực chữ ký số quốc gia	

1.2	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động.	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của TT chứng thực chữ ký số quốc gia	
2	<b>Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền</b>					
2.1	Số lượng vấn đề lấy ý kiến người dân	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối đa 05 ý kiến/ năm, mỗi ý kiến 1 điểm.	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	
2.2	Tỉ lệ trả lời hỏi đáp trên Cổng/ Trang TTĐT	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các câu hỏi được trả lời	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	
<b>IX</b>	<b>Đô thị thông minh</b>	<b>20</b>				
1	Triển khai dịch vụ đô thị thông minh					



1.1	Cung cấp tối thiểu 01 dịch vụ của ngành quản lý có tính chất tương tác người dân và doanh nghiệp	20	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các Sở, ban ngành cung cấp dịch vụ của ngành quản lý có tính chất tương tác người dân và doanh nghiệp;</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Tối thiểu 01 dịch vụ</p>	Văn bản triển khai, hình ảnh liên quan Sở TTTT kiểm chứng	
-----	--	----	-------	--	---	--

**Phụ lục 2**  
**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ**  
**CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2263 /QĐ-UBND ngày: 27/9/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

<b>Thông tin chung</b>		
<b>STT</b>	<b>Tên thông tin</b>	<b>Thông tin/ Số lượng</b>
1.	Tên huyện/ thị xã/ thành phố Huế:	
2.	Địa chỉ liên hệ chính thức:	
3.	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức:	
4.	Số lượng dân số:	
5.	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động:	
6.	Số lượng hộ gia đình:	
7.	Số lượng xã và tương đương:	
8.	Số lượng thôn, xóm và tương đương:	
9.	Số lượng cơ quan/ đơn vị trực thuộc:	
10.	Số lượng công chức:	
11.	Số lượng viên chức (không tính viên chức thuộc các bệnh viện, trường học):	
12.	Số lượng máy chủ vật lý:	
13.	Số lượng máy trạm:	
14.	Số lượng hệ thống thông tin:	
15.	Số lượng doanh nghiệp:	
16.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa:	
17.	Số lượng điểm phục vụ bưu chính:	
18.	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyên đổi số:	
19.	Số lượng thủ tục hành chính:	

Ghi chú:

- Phạm vi thống kê trong mục Thông tin chung là của huyện/ thị xã/ thành phố Huế tương ứng.

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		<b>730</b>				
<b>I</b>	<b>Nhận thức số</b>	<b>90</b>				
<b>1</b>	<b>Người đứng đầu địa phương là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số (BCĐ CDS)</b>					
1.1	Ban hành Quyết định thành lập BCĐ CDS của địa phương do người đứng đầu làm trưởng ban	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các UBND cấp huyện thành lập BCĐ CDS của địa phương do người đứng đầu (Chủ tịch UBND cấp huyện/ Bí thư huyện/ Thị ủy) làm trưởng ban.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu đơn vị làm Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 100% tiêu chí - Cấp Phó của người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 50% tiêu chí</p>	File điện tử có ký số Quyết định thành lập	
<b>2</b>	<b>Người đứng đầu địa phương chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số (CDS)</b>					

2.1	Tham gia đầy đủ các phiên họp BCD CDS của tỉnh, huyện	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Thành viên BCD CDS của tỉnh tham gia các cuộc họp BCD CDS của tỉnh; Thành viên BCD CDS của cấp huyện tham gia họp BCD CDS của cấp huyện.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cuộc họp tham gia là 4 cuộc cho 4 quý của năm đạt 2 điểm, tham gia 1 cuộc được tính 0,5 điểm</li> <li>- Một số đơn vị không có lãnh đạo đơn vị là thành viên BCD CDS của tỉnh sẽ không đánh giá tiêu chí này.</li> </ul>	Văn bản báo cáo thông kê có ký số từ đơn vị chủ trì tổ chức (VP UBND tỉnh, VP UBND cấp huyện)	
2.2	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 1	2	31.3	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 1 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 1 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</li> <li>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	
2.3	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 2	2	30.6	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 2 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 2 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</li> <li>- Kết luận -Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	

2.4	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 3	2	30.9	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 3 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 3 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>	
2.5	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 4	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 4 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 4 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận cuộc họp - Hình ảnh cuộc họp</p>	
3	<b>Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu địa phương ký</b>					
3.1	Văn bản chỉ đạo về chính quyền số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về chính quyền số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về Chính quyền số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí</p> <p>- Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 50% điểm tiêu chí</p>	<p>- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ</p>	

3.2	Văn bản chỉ đạo về kinh tế số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về kinh tế số liên quan lĩnh vực, địa phương quản lý trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về kinh tế số; Văn bản chỉ đạo công tác phát triển kinh tế số ....</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
3.3	Văn bản chỉ đạo về xã hội số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về xã hội số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về xã hội số; Văn bản chỉ đạo CBCCV, người lao động tham gia thúc đẩy phát triển xã hội số trực tiếp trên Hue-S trong các lĩnh vực cơ bản: Dịch vụ công, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp, y tế, giáo dục, giao thông, du lịch.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
4	<b>Chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số</b>					
4.1	Có tin, bài về CDS cung cấp lên Cổng CDS của tỉnh (tối thiểu 2 bài/ 1 năm)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị cung cấp thường xuyên các tin bài lên trang chuyển đổi số của tỉnh tại địa chỉ : <a href="https://dx.thuathienhue.gov.vn">https://dx.thuathienhue.gov.vn</a> , bao gồm: Tin hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, tin hoạt động của đơn vị, tin về kết quả của đơn vị liên quan đến hoạt động chuyển đổi số.</p>	Các đơn vị chủ động cung cấp file danh sách các tin bài đã được phê duyệt đăng lên trang chuyển đổi số của tỉnh.	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 02 tin bài được phê duyệt và đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh: đạt 100% điểm. - 01 tin bài: 50% điểm; 0 tin bài: 0 điểm		
<b>5</b>	<b>Cổng thông tin điện tử của địa phương có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
5.1	Trang thông tin điện tử (TTĐT) của UBND cấp huyện có chuyên mục CDS	4	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: Có khởi tạo chuyên mục đạt 100% điểm tiêu chí	Liên kết của chuyên mục CDS trên trang/ cổng thông tin điện tử	
5.2	Có tin, bài về CDS (tối thiểu 1 tháng 1 tin bài)	6	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị 2. Điều kiện đảm bảo: -Cập nhật tin bài tối thiểu 1 tin bài/1 tháng đạt 100% điểm tiêu chí ( Số tin bài được chấm điểm theo tỷ lệ % quy đổi )	Báo cáo danh sách (Kèm theo liên kết trên trang/ cổng thông tin điện tử) bằng file điện tử	
<b>6</b>	<b>Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
6.1	Đài Truyền thanh cấp huyện có chuyên mục CDS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương cấp huyện có triển khai chuyên mục chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh thông minh địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - Văn bản triển khai được ban hành.	Dữ liệu điện tử và ký số	

<b>7</b>	<b>Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
7.1	Tần suất phát sóng của Đài Truyền thanh cấp huyện (Tối thiểu 1 bài/ 1 tuần)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương xây dựng kế hoạch truyền thông chuyển đổi số trên đài phát thanh cơ sở.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 1 tin bài được phát trong 1 tuần</li> <li>- Phát tin thống nhất trên hệ thống thông tin nguồn: điểm tối đa.</li> </ul>	Dữ liệu trên hệ thống thông tin nguồn	
<b>8</b>	<b>Tỉ lệ người dân có kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống trên nền tảng số</b>					
8.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn tiếp cận kênh thông tin chính thống trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tuyên truyền kênh thông tin chính thống trên Hue-S thông qua các tổ chức, đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% người dân nắm thông tin.</p>	Được thống kê từ hệ thống	
8.2	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động trong cơ quan nhà nước tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức tuyên truyền đến CBCCVC, người lao động tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC truy cập kênh thông tin để nắm thông tin.</p>	Văn bản chỉ đạo triển khai có ký số và được thống kê từ hệ thống	
<b>II</b>	<b>Thế chế số</b>	<b>70</b>				



<b>1</b>	<b>Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của địa phương</b>					
1.1	Ban hành Nghị quyết về CĐS của cấp huyện	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND các huyện, thị xã, thành phố trình Cấp ủy Đảng ban hành Nghị quyết chuyên đề Chuyển đổi số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Nghị quyết chuyên đề	File điện tử có ký số của Nghị quyết	
<b>2</b>	<b>Kế hoạch hành động 5 năm của địa phương về chuyển đổi số</b>					
2.1	Ban hành kế hoạch 5 năm của các địa phương về CĐS	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số 5 năm giai đoạn 2021 – 2025. 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp địa phương.	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
<b>3</b>	<b>Kế hoạch hành động hằng năm của địa phương về chuyển đổi số</b>					
3.1	Ban hành kế hoạch hằng năm của các địa phương về CĐS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Kế hoạch chuyên đổi số hằng năm 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp địa phương	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
<b>4</b>	<b>Tham gia hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh, thành phố</b>					

4.1	Các UBND cấp huyện cử cán bộ dự tập huấn phổ biến kiến thức Chính quyền điện tử	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các UBND cấp huyện cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đầy đủ hội nghị triển khai, tổng kết Kiến thức Chính quyền điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tham gia đầy đủ các nội dung triệu tập</p>	Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị	
<b>5</b>	<b>Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chỉ cho chuyển đổi số</b>					
5.1	Các UBND cấp huyện cử cán bộ dự tập huấn phổ biến công tác chỉ cho CDS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các UBND cấp huyện cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đầy đủ hội nghị triển khai, tổng kết Kiến thức Chính quyền điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có nhân sự đúng thành phần tham gia</p>	- Văn bản phân công nhân sự - File phải có sử dụng chữ ký số	
<b>6</b>	<b>Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số</b>					
6.1	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số của huyện, thị xã, thành phố	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện căn cứ văn bản của Tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu cho chuyển đổi số phù hợp với địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Mức tối thiểu đảm bảo theo chính sách của tỉnh</p>	File điện tử ký số Quyết định	

7	<b>Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>					
7.1	Ban hành chính sách của địa phương về khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng và triển khai các chương trình hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <p>- Chương trình/ chính sách cần có tính thu hút sự tham gia của người dân trong các nội dung chính sau: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm lệ phí và hỗ trợ trả kết quả tại nhà, doanh nghiệp và một số chương trình khác theo thực tiễn thế mạnh của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Nếu TTHC của đơn vị có trong danh mục UBND tỉnh ban hành khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT vẫn được tính điểm cho đơn vị đó.</p>	File điện tử ký số Quyết định	
8	<b>Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số</b>					
8.1	Ban hành chính sách của huyện, thị xã, thành phố khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn chuyển đổi số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện ban hành Chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Chính sách cần đảm bảo với thực tiễn.</p>	File điện tử ký số Quyết định	

<b>III</b>	<b>Hạ tầng số</b>	<b>90</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh</b>					
1.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động trong cơ quan, đơn vị (gồm đơn vị trực thuộc) có sử dụng điện thoại thông minh	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% nhân sự sử dụng điện thoại thông minh</li> <li>- 100% nhân sự cài đặt Hue-S theo số điện thoại sử dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu kiểm chứng qua Hue-S.</li> <li>- Sở TT&amp;TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị</li> </ul>	
1.2	Tỉ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn có điện thoại thông minh	7	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch nhằm tăng số lượng người dân trưởng thành trên địa bàn có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch triển khai</li> <li>- Số liệu do Sở thông tin và Truyền thông xác nhận</li> </ul>	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh</b>					
2.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có điện thoại thông minh	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có ít nhất một nhân khẩu sử dụng điện thoại thông minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu khảo sát</li> <li>- Số liệu do Sở thông tin và Truyền thông xác nhận (lấy từ Cục Viễn thông)</li> </ul>	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang</b>					

3.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng cáp quang	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp cùng doanh nghiệp đảm bảo 100% hộ gia đình có kết nối internet băng thông rộng. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có kết nối Internet băng thông rộng	Dữ liệu kiểm chứng từ số liệu quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng</b>					
4.1	Các địa phương có kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai lắp đặt kết nối mạng diện rộng tỉnh thông qua mạng số liệu chuyên dùng quốc gia (CP Net). 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% các địa phương (UBND cấp huyện, xã) kết nối thành công, đảm bảo dung lượng đường truyền theo số lượng máy.	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>5</b>	<b>Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây</b>					
5.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có sử dụng tài khoản điện toán đám mây	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương đăng ký tài khoản điện toán đám mây của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC đăng ký	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	
5.2	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có phát sinh dữ liệu trên điện toán đám mây dùng chung	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương có triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ công vụ của từng công chức, viên chức trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có dữ liệu phát sinh lưu trữ	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	

6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung					
6.1	Nền tảng Báo cáo số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <p>+ Các địa phương triển khai sử dụng nền tảng báo cáo số (Trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương – triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh để các đơn vị/ doanh nghiệp trên địa bàn báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước địa phương- UBND cấp huyện. Báo cáo số được tích hợp trên Hue-S, trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thừa Thiên Huế).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Phát sinh và khai thác tối thiểu 5 báo cáo số</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.2	Nền tảng Số hóa	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh (được tích hợp trên Hue-S và trên Trang TTĐT sohoa.thuathienhue.gov.vn).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tối thiểu 5 đối tượng dữ liệu (bảng dữ liệu) được số hóa lên nền tảng dùng chung.</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.3	Nền tảng làm việc số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng làm việc số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đã đưa vào sử dụng</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	

6.4	Nền tảng Quản lý bản đồ GIS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương sử dụng nền tảng bản đồ số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - có ít nhất một bản đồ được đưa vào sử dụng</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>IV</b>	<b>Nhân lực số</b>	<b>60</b>				
<b>1</b>	<b>Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã</b>					
1.1	Tỉ lệ các xã, phường, thị trấn có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện ban hành Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ có sự tham gia của đoàn thanh niên.</li> <li>- Thành viên tham dự tổ có kỹ năng sử dụng Hue-S</li> </ul>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>2</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số</b>					
2.1	Phòng Văn hóa thông tin cấp huyện có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện ban hành quy định chức năng chuyển đổi số cho Phòng Văn hóa thông tin.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tuân thủ Quy định về đơn vị chuyên trách chuyển đổi số toàn tỉnh</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số</b>					

3.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm CDS (chuyên trách đối với Sở ban ngành, UBND cấp huyện; khuyến khích đối với cấp xã)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số của đơn vị</li> <li>- UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phân công nhân sự kiêm nhiệm phụ trách chuyển đổi số tại các xã, phường, thị trấn (Khuyến khích chuyên trách đối với cấp xã).</li> </ul> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng</b>					
4.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin mạng của đơn vị (chuyên trách đối với sở ban ngành, UBND cấp huyện, khuyến khích đối với cấp xã; có thể sử dụng nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm CDS)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số</b>					
5.1	Tỉ lệ công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT (do Sở TTTT triển khai trên Hue-S)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị triển khai theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC, NLĐ tham</p>	Sở TTTT thống kê từ hệ thống	



				gia đào tạo khi có triển khai; Điểm được tính theo tỉ lệ.		
5.2	Tự tổ chức hội nghị tập huấn (Tối thiểu 1 lần/năm)	4	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tự tổ chức hoặc mời chuyên gia đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho CBCCVC trong đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: Có tổ chức tối thiểu 1 lần/ năm đạt 100% điểm tiêu chí	Các văn bản triển khai có ký số/ hình ảnh liên quan.	
5.3	Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở TTTT tổ chức	3	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tham gia đầy đủ lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức 2. Điều kiện đảm bảo: - Nhân sự được phân công nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị đạt 50% điểm tiêu chí. - Tham gia đầy đủ thời gian và nội dung chương trình tập huấn đạt 50% điểm tiêu chí	- Văn bản phân công nhân sự tham gia chương trình (bằng file điện tử) - Quyết định file điện tử có ký số	
6	<b>Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch</b>					
6.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch (trên Hue-S)	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông qua tổ công nghệ số cộng đồng phổ biến nền tảng OneTouch cho người dân. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 50% người lao động được tập huấn	Thống kê trên hệ thống	

7	<b>Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).</b>					
7.1	Tỉ lệ các trường học từ tiểu học đến trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: UBND cấp huyện phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nền tảng được tích hợp lên Hue-S trong các trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Các nền tảng cần triển khai: Mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Số liệu báo cáo (Văn bản có ký số)	
<b>V</b>	<b>An toàn thông tin mạng</b>	30				
1	<b>Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)</b>					
1.1	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống mã độc tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC)	
1.2	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại IOC	

				dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí		
<b>2</b>	<b>Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc</b>					
2.1	Tỉ lệ máy tính bị nhiễm mã độc	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - Không có máy tính bị nhiễm mã độc hoặc nếu có thì 100% máy tính bị nhiễm nhưng đã được xử lý, loại bỏ mã độc kịp thời.	Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá qua thống kê theo dõi.	
<b>3</b>	<b>Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai</b>					
3.1	Các UBND cấp huyện cử thành viên tham gia diễn tập	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: Các UBND cấp huyện cử thành viên tham gia diễn tập. 2. Điều kiện đảm bảo: Có tham gia.	Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối chiếu với kết quả báo cáo của các đơn vị.	
<b>4</b>	<b>Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước</b>					-
4.1	Số lượng sự cố đã phát hiện trong UBND cấp huyện.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông triển khai các công cụ tổ chức giám sát phát hiện và cảnh báo an toàn thông tin trên hệ thống mạng CPNet của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: Không có sự cố xảy ra (100% số điểm); mỗi sự cố xảy ra trừ 1 điểm; $\geq 5$ sự cố: 0 điểm	Thống kê trên hệ thống	-
<b>5</b>	<b>Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước</b>					

5.1	Số lượng sự cố đã xử lý trong UBND cấp huyện	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo xử lý 100% sự cố an toàn thông tin trong đơn vị khi phát hiện sự cố mất an toàn thông tin</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện xử lý khi xảy ra sự cố</li> <li>- Không xảy ra sự cố thì đạt điểm tối đa</li> </ul>	Hình ảnh và hồ sơ kèm theo	
<b>VI</b>	<b>Hoạt động chính quyền số</b>	<b>165</b>				
<b>1</b>	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT</b>					
1.1	UBND cấp huyện tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: UBND cấp huyện, xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: có vận hành DVCTT trên Hue-S</p>	Văn bản triển khai; Hình ảnh giao diện triển khai; Sở TT&TT trực tiếp rà soát	
<b>2</b>	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp</b>					
2.1	Tỉ lệ xử lý phản ánh hiện trường đúng hạn, trước hạn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	

2.2	Tỉ lệ mức độ hài lòng việc xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.3	Tỉ lệ trả lại phản ánh không đúng thẩm quyền, đúng thời gian	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.4	Tỉ lệ tương tác phản ánh của công dân có ý kiến	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.5	Tỉ lệ bức xúc kết quả xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa</b>					
3.1	Tỉ lệ hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số đạt 100% điểm tiêu chí	Thống kê trên hệ thống	
3.2	Tỉ lệ hồ sơ DVCTT tái sử dụng hồ sơ điện tử	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển	Hình ảnh/ video triển khai; Sở TTTT theo	

				khai tái sử dụng hồ sơ điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ DVCTT được tái sử dụng	đổi trên hệ thống	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến</b>					
4.1	Tỉ lệ hồ sơ đăng ký trực tuyến trên tổng hồ sơ phát sinh	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị tham mưu các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia đăng ký DVCTT. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến</b>					
5.1	Tỉ lệ hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
5.2	Tỉ lệ xử lý hồ sơ DVC trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% các bước quy trình xử lý dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng thông qua hệ thống dùng chung của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
<b>6</b>	<b>Thanh toán DVC trực tuyến</b>					

6.1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, địa phương tăng cường tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tham gia thanh toán DVC trực tuyến trên cổng DVCTT 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
7	<b>Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT</b>					
7.1	Tỉ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT của UBND cấp huyện	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Sở Nội vụ tổ chức các giải pháp số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kế hoạch nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc xử lý DVCTT của địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thuận theo số điểm	Từ hệ thống, Sở Nội vụ	
8	<b>Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước</b>					
8.1	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị cài đặt Hue-S và đăng ký tài khoản trên Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	Thống kê trên hệ thống	

8.2	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	Thống kê trên hệ thống	
8.3	Triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tỉ lệ CBCCVC và người lao động trong đơn vị tổ chức triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S (văn phòng số) tại đơn vị, địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - Tính tỉ lệ CBCCVC và người lao động sử dụng trên tổng điểm	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
<b>9</b>	<b>Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân</b>					
9.1	Có triển khai tối thiểu 05 cuộc họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 05 cuộc họp	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
<b>10</b>	<b>Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước</b>					
10.1	Có triển khai báo cáo số tại các cơ quan, đơn vị	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng báo cáo số trên Hue-S tại đơn vị, địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	



<b>11</b>	<b>Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức</b>					
11.1	Tỉ lệ CBCCVC sử dụng nền tảng trợ lý ảo (khi đã triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng trợ lý ảo tại đơn vị, địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC sử dụng	Thống kê trên hệ thống	
<b>12</b>	<b>Triển khai Trang thông tin điện tử</b>					
12.1	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24-06-2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở ban ngành, địa phương tổ chức triển khai cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% nội dung trên Trang thông tin điện tử được cung cấp theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP	Thống kê trên hệ thống	
<b>13</b>	<b>Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số</b>					
13.1	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện thống kê tổng chi Ngân sách cho chính quyền số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>VII</b>	<b>Hoạt động kinh tế số</b>	<b>105</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP</b>					
1.1	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	15	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S.	Thống kê trên hệ thống	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm		
1.2	Doanh thu phát sinh từ các giao dịch trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	15	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp tuyên truyền đến tận hộ gia đình về sử dụng ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Doanh thu phát sinh trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S từ giao dịch của người dân địa phương tỷ lệ thuận theo số điểm	Thống kê trên hệ thống	
1.3	Tỉ lệ CBCCVC có thực hiện giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị thực hiện thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ CBCCVC có phát sinh giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm	Thống kê trên hệ thống	
2	<b>Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx</b>					
2.1	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	15	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện phối hợp với Sở KHĐT, Sở TTTT triển khai chương trình truyền thông, các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ DN nhỏ và vừa chuyển đổi số; Thống kê doanh nghiệp tham gia CT này. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	

<b>3</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số</b>					
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn sử dụng nền tảng số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện thống kê nhỏ và vừa trên địa bàn sử dụng nền tảng số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử</b>					
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện chỉ đạo triển khai các giải pháp thúc đẩy sử dụng hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp trên địa bàn; Thống kê doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử</b>					
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn nộp thuế điện tử	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện chỉ đạo triển khai các giải pháp thúc đẩy nộp thuế điện tử trong doanh nghiệp trên địa bàn; Thống kê doanh nghiệp nộp thuế điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>6</b>	<b>Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định</b>					

6.1	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định trên địa bàn	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thống kê điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thống kê tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>7</b>	<b>Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số</b>					
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thống kê kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thống kê tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>8</b>	<b>Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số</b>					
8.1	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Hằng năm các địa phương cấp huyện cân đối ngân sách chi thường xuyên chi cho chuyển đổi số trên địa bàn; thống kê tổng chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động xã hội số</b>	<b>120</b>				
<b>1</b>	<b>Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử</b>					
1.1	Số lượng người dân trên địa bàn	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp	Báo cáo ký số xác	

	có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử			với Công an tỉnh tổ chức cấp phát tài khoản định danh điện tử cho người dân thông qua cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân được cấp phát	nhận	
1.2	Tỉ lệ người dân trên địa bàn có cài đặt Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương cài đặt Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân có sử dụng điện thoại thông minh có cài Hue-S	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân trên địa bàn; Số dân có cài đặt Hue-S: thống kê trên hệ thống	
2	<b>Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác</b>					
2.1	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cài đặt ví điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn; Số dân có cài đặt ví điện tử trên Hue-S: thống kê trên hệ thống	
2.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có tài khoản giao dịch tại ngân hàng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tuyên truyền về thanh toán không tiền mặt 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.	Kiểm chứng thông qua tài liệu báo cáo của Ngân hàng nhà nước	

<b>3</b>	<b>Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân</b>					
3.1	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token.	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của Trung tâm chứng thực chữ ký số quốc gia	
3.2	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động.	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của TT chứng thực chữ ký số quốc gia	
<b>4</b>	<b>Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)</b>					
4.1	Số hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai số hóa và cấp địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
<b>5</b>	<b>Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông</b>					

5.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, truy cập kỹ năng số trên Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
<b>6</b>	<b>Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử</b>					
6.1	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, cài đặt, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>7</b>	<b>Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số</b>					
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối để đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi đầu tư từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>8</b>	<b>Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số</b>					

8.1	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối nguồn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để chi thường xuyên cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi thường xuyên từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>9</b>	<b>Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền</b>					
9.1	Số lượng vấn đề lấy ý kiến người dân	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối đa 10 ý kiến/ năm, mỗi ý kiến 1 điểm	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	
9.2	Tỉ lệ trả lời hỏi đáp trên Cổng/ Trang TTĐT	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các câu hỏi được trả lời	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	



**Phụ lục 3**  
**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ**  
**CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2263 /QĐ-UBND ngày: 27/9/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

<b>Thông tin chung</b>		
<b>I</b>	<b>Tên thông tin</b>	<b>Thông tin/ Số lượng</b>
1.	Tên phường/ thị xã/ thị trấn:	
2.	Địa chỉ liên hệ chính thức:	
3.	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức:	
4.	Số lượng dân số:	
5.	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động:	
6.	Số lượng hộ gia đình:	
7.	Số lượng thôn, xóm và tương đương:	
8.	Số lượng công chức:	
9.	Số lượng máy trạm:	
10.	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số:	
11.	Số lượng thủ tục hành chính:	

*Ghi chú:*

*- Phạm vi thống kê trong mục Thông tin chung là của phường/ thị xã/ thị trấn tương ứng.*

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		600				
I	Nhận thức số	90				
1	Người đứng đầu địa phương là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số (BCĐ CDS)					
1.1	Ban hành Quyết định thành lập BCĐ CDS của địa phương do người đứng đầu làm trưởng ban	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thành lập BCĐ CDS địa phương do người đứng đầu (Chủ tịch UBND cấp xã/ Bí thư Đảng ủy cấp xã) làm trưởng ban.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu đơn vị làm Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 100% tiêu chí - Cấp Phó của người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 50% tiêu chí</p>	File điện tử có ký số Quyết định thành lập	
2	Người đứng đầu địa phương chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số (CDS)					

2.1	Tham gia đầy đủ các phiên họp BCĐ CDS của huyện	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Thành viên BCĐ CDS của cấp huyện từ các đơn vị cấp xã tham gia họp BCĐ CDS của cấp huyện</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cuộc họp tham gia là 4 cuộc cho 4 quý của năm đạt 2 điểm, tham gia 1 cuộc được tính 0,5 điểm</li> <li>- Các đơn vị không có lãnh đạo đơn vị là thành viên BCĐ CDS của huyện sẽ không đánh giá tiêu chí này.</li> </ul>	Văn bản báo cáo thông kê có ký số từ đơn vị chủ trì tổ chức	
2.2	Tổ chức phiên họp BCĐ CDS của địa phương Quý 1	2	31.3	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 1 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 1 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số.</li> <li>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	
2.3	Tổ chức phiên họp BCĐ CDS của địa phương Quý 2	2	30.6	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 2 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 2 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số.</li> <li>- Kết luận -Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	
2.4	Tổ chức phiên họp BCĐ CDS của địa phương Quý 3	2	30.9	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 3 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 3 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số.</li> <li>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	

2.5	Tổ chức phiên họp BCĐ CDS của địa phương Quý 4	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 4 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 4 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận cuộc họp - Hình ảnh cuộc họp</p>	
3	<b>Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu địa phương ký</b>					
3.1	Văn bản chỉ đạo về chính quyền số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về chính quyền số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về Chính quyền số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 50% điểm tiêu chí</p>	<p>- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ</p>	
3.2	Văn bản chỉ đạo về kinh tế số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về kinh tế số liên quan lĩnh vực, địa phương quản lý trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về kinh tế số; Văn bản chỉ đạo công tác phát triển kinh tế số ....</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	<p>- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ</p>	

3.3	Văn bản chỉ đạo về xã hội số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về xã hội số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về xã hội số; Văn bản chỉ đạo CBCCVC, người lao động tham gia thúc đẩy phát triển xã hội số trực tiếp trên Hue-S trong các lĩnh vực cơ bản: Dịch vụ công, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp, y tế, giao dục, giao thông, du lịch.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ
<b>4</b>	<b>Chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số</b>				
4.1	Có tin, bài về CĐS cung cấp lên Cổng CĐS của tỉnh (tối thiểu 2 bài/1 năm)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị cung cấp thường xuyên các tin bài lên trang chuyên đổi số của tỉnh tại địa chỉ : <a href="https://dx.thuathienhue.gov.vn">https://dx.thuathienhue.gov.vn</a> , bao gồm: Tin hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, tin hoạt động của đơn vị, tin về kết quả của đơn vị liên quan đến hoạt động chuyên đổi số.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 02 tin bài được phê duyệt và đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh: đạt 100% điểm. - 01 tin bài: 50% điểm; 0 tin bài: 0 điểm</p>	Các đơn vị chủ động cung cấp file danh sách các tin bài đã được phê duyệt đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh.
<b>5</b>	<b>Cổng thông tin điện tử của địa phương có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>				

5.1	Trang thông tin điện tử (TTĐT) của UBND cấp xã có chuyên mục CDS	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có khởi tạo chuyên mục đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Liên kết của chuyên mục CDS trên trang/ cổng thông tin điện tử	
5.2	Có tin, bài về CDS (tối thiểu 1 tháng 1 tin bài)	6	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: -Cập nhật tin bài tối thiểu 1 tin bài/1 tháng đạt 100% điểm tiêu chí ( Số tin bài được chấm điểm theo tỷ lệ % quy đổi )</p>	Báo cáo danh sách (Kèm theo liên kết trên trang/ cổng thông tin điện tử) bằng file điện tử	
<b>6</b>	<b>Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
6.1	Đài Truyền thanh cấp xã có chuyên mục CDS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương cấp xã có triển khai chuyên mục chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh thông minh địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Văn bản triển khai được ban hành</p>	Dữ liệu điện tử và ký số	
<b>7</b>	<b>Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					

7.1	Tần suất phát sóng của Đài Truyền thanh cấp xã (Tối thiểu 1 bài/ 1 tuần)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương xây dựng kế hoạch truyền thông chuyển đổi số trên đài phát thanh cơ sở</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 1 tin bài được phát trong 1 tuần</li> <li>- Phát tin thống nhất trên hệ thống thông tin nguồn: điểm tối đa</li> </ul>	Dữ liệu trên hệ thống thông tin nguồn	
<b>8</b>	<b>Tỉ lệ người dân có kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống trên nền tảng số</b>					
8.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn tiếp cận kênh thông tin chính thống trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tuyên truyền kênh thông tin chính thống trên Hue-S thông qua các tổ chức, đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% người dân nắm thông tin</p>	Được thống kê từ hệ thống	
8.2	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động trong cơ quan nhà nước tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức tuyên truyền đến CBCCVC, người lao động tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC truy cập kênh thông tin để nắm thông tin</p>	Văn bản chỉ đạo triển khai có ký số và được thống kê từ hệ thống	
<b>II</b>	<b>Thế chế số</b>	<b>25</b>				
<b>1</b>	<b>Kế hoạch hành động 5 năm của địa phương về chuyển đổi số</b>					

1.1	Ban hành kế hoạch 5 năm của các địa phương về CDS	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp ngành, lĩnh vực, địa phương	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
2	<b>Kế hoạch hành động hằng năm của địa phương về chuyển đổi số</b>					
2.1	Ban hành kế hoạch hằng năm của các địa phương về CDS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp ngành, lĩnh vực, địa phương	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
3	<b>Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>					
3.1	Ban hành chính sách của địa phương về khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương xây dựng và triển khai các chương trình hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 2. Điều kiện đảm bảo:  - Chương trình/ chính sách cần có tính thu hút sự tham gia của người dân trong các nội dung chính sau: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm lệ phí và hỗ trợ trả kết quả tại nhà, doanh nghiệp và một số chương trình khác theo thực tiễn thế mạnh của cơ	File điện tử ký số Quyết định	



				quan, đơn vị. - Nếu TTHC của đơn vị có trong danh mục UBND tỉnh ban hành khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT vẫn được tính điểm cho đơn vị đó.		
<b>III</b>	<b>Hạ tầng số</b>	<b>90</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh</b>					
1.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động trong cơ quan, đơn vị (gồm đơn vị trực thuộc) có sử dụng điện thoại thông minh	3	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng điện thoại thông minh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% nhân sự sử dụng điện thoại thông minh - 100% nhân sự cài đặt Hue-S theo số điện thoại sử dụng	- Số liệu kiểm chứng qua Hue-S. - Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị	
1.2	Tỉ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn có điện thoại thông minh	7	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp xã xây dựng kế hoạch nhằm tăng số lượng người dân trưởng thành trên địa bàn có sử dụng điện thoại thông minh. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh	- Kế hoạch triển khai - Số liệu do Sở thông tin và Truyền thông xác nhận	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh</b>					
2.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có điện thoại thông minh	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng điện thoại thông minh.	- Số liệu khảo sát - Số liệu xác nhận từ Cục Viễn thông	

				2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có ít nhất một nhân khẩu sử dụng điện thoại thông minh		
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang</b>					
3.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng cáp quang	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp cùng doanh nghiệp đảm bảo 100% hộ gia đình có kết nối internet băng thông rộng. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có kết nối Internet băng thông rộng	Dữ liệu kiểm chứng từ số liệu quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng</b>					
4.1	Các địa phương có kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai lắp đặt kết nối mạng diện rộng tỉnh thông qua mạng số liệu chuyên dùng quốc gia (CP Net) 2. Điều kiện đảm bảo: - Kết nối thành công, đảm bảo dung lượng đường truyền theo số lượng máy.	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>5</b>	<b>Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây</b>					
5.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có sử dụng tài khoản điện toán đám mây	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương đăng ký tài khoản điện toán đám mây của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC đăng ký	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	
5.2	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có phát sinh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	

	dữ liệu trên điện toán đám mây dùng chung			<p>phương có triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ công vụ của từng công chức, viên chức trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có dữ liệu phát sinh lưu trữ</p>		
<b>6</b>	<b>Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung</b>					
6.1	Nền tảng Báo cáo số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <p>+ Các địa phương triển khai sử dụng nền tảng báo cáo số (Trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương – triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh để các đơn vị/ doanh nghiệp trên địa bàn báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước địa phương- UBND cấp xã.</p> <p>+ Báo cáo số được tích hợp trên Hue-S, trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thừa Thiên Huế).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Phát sinh và khai thác tối thiểu 5 báo cáo số</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.2	Nền tảng Số hóa	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh (được tích hợp trên Hue-S và trên Trang TTĐT sohoa.thuathienhue.gov.vn).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tối thiểu 5 đối tượng dữ liệu (bảng dữ liệu) được số hóa lên nền tảng dùng chung</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.3	Nền tảng làm việc số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng làm việc số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web).</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Đã đưa vào sử dụng		
6.4	Nền tảng Quản lý bản đồ GIS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương sử dụng nền tảng bản đồ số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web) 2. Điều kiện đảm bảo: - có ít nhất một bản đồ được đưa vào sử dụng	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>IV</b>	<b>Nhân lực số</b>	<b>45</b>				
<b>1</b>	<b>Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm</b>					
1.1	Tỉ lệ thôn, xóm, tổ dân phố có thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng	8	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp xã ban hành Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, xóm, tổ dân phố 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các thôn xóm, tổ dân phố có thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng	Quyết định file điện tử có ký số	
1.2	Đảm bảo thành phần trong tổ	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương khi thành lập tổ phải đảm bảo đầy đủ các thành phần theo hướng dẫn: người có uy tín, đoàn thanh niên, khuyến khích doanh nghiệp tham gia 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% các thôn xóm, tổ dân phố có Tổ Công nghệ số cộng đồng đảm bảo thành phần theo hướng dẫn	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số</b>					
2.1	Có Quyết định phân công chuyên trách,	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán	Quyết định file điện tử có ký số	

	kiêm nhiệm CDS (chuyên trách đối với sở ban ngành, UBND cấp huyện; khuyến khích đối với cấp xã)			bộ chuyên trách Chuyển đổi số của đơn vị - UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phân công nhân sự kiêm nhiệm phụ trách chuyển đổi số tại các xã, phường, thị trấn (Khuyến khích chuyên trách đối với cấp xã).  2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ chuyên trách trong Quyết định		
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng</b>					
3.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin mạng của đơn vị (chuyên trách đối với sở ban ngành, UBND cấp huyện, khuyến khích đối với cấp xã; có thể sử dụng nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm CDS)  2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chuyên trách trong Quyết định	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số</b>					
4.1	Tỉ lệ công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT (do Sở TTTT triển khai trên Hue-S)	3	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị triển khai theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT  2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVN, NLĐ tham gia đào tạo khi có triển khai; Điểm được tính theo tỉ lệ.	Sở TTTT thống kê từ hệ thống	

4.2	Tự tổ chức hội nghị tập huấn (Tối thiểu 1 lần/năm)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tự tổ chức hoặc mời chuyên gia đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho CBCCVC trong đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có tổ chức tối thiểu 1 lần/ năm đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Các văn bản triển khai có ký số/ hình ảnh liên quan.	
5	<b>Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch</b>					
5.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch (trên Hue-S)	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông qua tổ công nghệ số cộng đồng phổ biến nền tảng OneTouch cho người dân.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 50% người lao động được tập huấn</p>	Thống kê trên hệ thống	
V	<b>An toàn thông tin mạng</b>	25				
1	<b>Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)</b>					
1.1	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống mã độc tập trung của tỉnh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng</p>	- Kiểm chứng theo dữ liệu tại trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC)	

				chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí		
1.2	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí	- Kiểm chứng theo dữ liệu tại IOC	
2	<b>Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc</b>					
2.1	Tỉ lệ máy tính bị nhiễm mã độc	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - Không có máy tính bị nhiễm mã độc hoặc nếu có thì 100% máy tính bị nhiễm nhưng đã được xử lý, loại bỏ mã độc kịp thời	Số liệu kiểm chứng được cung cấp từ Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước					-
3.1	Số lượng sự cố đã phát hiện trong UBND cấp xã.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông triển khai các công cụ tổ chức giám sát phát hiện và cảnh báo an toàn thông tin trên hệ thống mạng CPNet của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: Không có sự cố xảy ra.	Thống kê trên hệ thống	-
4	<b>Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước</b>					
4.1	Số lượng sự cố đã xử lý trong UBND cấp xã	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông đảm bảo xử lý 100% sự cố an toàn thông tin trong đơn vị khi phát hiện sự	Hình ảnh và hồ sơ kèm theo	

				<p>cố mất an toàn thông tin.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện xử lý khi xảy ra sự cố</li> <li>- Không xảy ra sự cố thì đạt điểm tối đa</li> </ul>		
<b>VI</b>	<b>Hoạt động chính quyền số</b>	<b>165</b>				
<b>1</b>	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT</b>					
1.1	Các UBND cấp xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: - Các UBND cấp xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: có vận hành DVCTT trên Hue-S</p>	Văn bản triển khai; Hình ảnh giao diện triển khai; Sở TT&TT rà soát, cung cấp.	
<b>2</b>	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp</b>					
2.1	Tỉ lệ xử lý phản ánh hiện trường đúng hạn, trước hạn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
2.2	Tỉ lệ mức độ hài lòng việc xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p>	Thống kê trên hệ thống	



				2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn		
2.3	Tỉ lệ trả lại phản ánh không đúng thẩm quyền, đúng thời gian	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.4	Tỉ lệ tương tác phản ánh của công dân có ý kiến	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.5	Tỉ lệ bức xúc kết quả xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa</b>					
3.1	Tỉ lệ hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số đạt 100% điểm tiêu chí	Thống kê trên hệ thống	
3.2	Tỉ lệ hồ sơ DVCTT tái sử dụng hồ sơ điện tử	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai tái sử dụng hồ sơ điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ DVCTT được tái	Hình ảnh/ video triển khai; Sở TTTT theo dõi trên hệ thống	

				sử dụng		
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến</b>					
4.1	Tỉ lệ hồ sơ đăng ký trực tuyến trên tổng hồ sơ phát sinh	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị tham mưu các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia đăng ký DVCTT. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến</b>					
5.1	Tỉ lệ hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận. 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
5.2	Tỉ lệ xử lý hồ sơ DVC trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% các bước quy trình xử lý dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng thông qua hệ thống dùng chung của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
<b>6</b>	<b>Thanh toán DVC trực tuyến</b>					
6.1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Công Dịch vụ công của tỉnh trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, địa phương tăng cường tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tham gia thanh toán DVC trực tuyến trên cổng DVCTT 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	

7	<b>Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT</b>					
7.1	Tỉ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT của UBND cấp xã	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Sở Nội vụ tổ chức các giải pháp số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kế hoạch nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc xử lý DVCTT của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Từ hệ thống, Sở Nội vụ	
8	<b>Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước</b>					
8.1	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị cài đặt Hue-S và đăng ký tài khoản trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản</p>	Thống kê trên hệ thống	

8.2	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung.</p>	Thống kê trên hệ thống	
8.3	Triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tỉ lệ CBCCVC và người lao động trong đơn vị tổ chức triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S (văn phòng số) tại đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tính tỉ lệ CBCCVC và người lao động sử dụng trên tổng điểm</p>	Đánh giá thông qua theo dõi từ hệ thống	
9	<b>Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân</b>					
9.1	Có triển khai tối thiểu 05 cuộc họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 05 cuộc họp</p>	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
10	<b>Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước</b>					

10.1	Có triển khai báo cáo số tại các cơ quan, đơn vị	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng báo cáo số trên Hue-S tại đơn vị, địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
<b>11</b>	<b>Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức</b>					
11.1	Tỉ lệ CBCCVC sử dụng nền tảng trợ lý ảo (khi đã triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng trợ lý ảo tại đơn vị, địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC sử dụng	Thống kê trên hệ thống	
<b>12</b>	<b>Triển khai Trang thông tin điện tử</b>					
12.1	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24-06-2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở ban ngành, địa phương tổ chức triển khai cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% nội dung trên Trang thông tin điện tử được cung cấp theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP	Thống kê trên hệ thống	
<b>VII</b>	<b>Hoạt động kinh tế số</b>	<b>40</b>				

<b>1</b>	<b>Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP</b>					
1.1	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
1.2	Doanh thu phát sinh từ các giao dịch trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp tuyên truyền đến tận hộ gia đình về sử dụng ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Doanh thu phát sinh trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S từ giao dịch của người dân địa phương tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
1.3	Tỉ lệ CBCCVC có thực hiện giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị thực hiện thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ CBCCVC có phát sinh giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>2</b>	<b>Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định</b>					

2.1	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định trên địa bàn	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thống kê điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định trên địa bàn. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thống kê tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động xã hội số</b>	<b>120</b>				
<b>1</b>	<b>Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử</b>					
1.1	Số lượng người dân trên địa bàn có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Công an tỉnh tổ chức cấp phát tài khoản định danh điện tử cho người dân thông qua cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân được cấp phát tài khoản định danh điện tử.	Báo cáo ký số xác nhận	
1.2	Tỉ lệ người dân trên địa bàn có cài đặt Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương cài đặt Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân có sử dụng điện thoại thông minh có cài Hue-S	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân trên địa bàn; Số dân có cài đặt Hue-S: thống kê trên hệ thống	
<b>2</b>	<b>Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác</b>					
2.1	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn; Số dân có cài đặt	

	Hue-S			<p>phương từ 15 từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài đặt ví điện tử trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S</p>	<p>ví điện tử trên Hue-S: thống kê trên hệ thống</p>	
2.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có tài khoản giao dịch tại ngân hàng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tuyên truyền về thanh toán không tiền mặt</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.</p>	<p>Kiểm chứng thông qua tài liệu báo cáo của Ngân hàng nhà nước</p>	
3	<b>Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân</b>					
3.1	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token.</p>	<p>Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của Trung tâm chứng thực chữ ký số quốc gia</p>	
3.2	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động.</p>	<p>Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của TT chứng thực chữ ký số quốc gia</p>	
4	<b>Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)</b>					



4.1	Số hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai số hóa và cấp địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
<b>5</b>	<b>Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông</b>					
5.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, truy cập kỹ năng số trên Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
<b>6</b>	<b>Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử</b>					
6.1	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, cài đặt, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>7</b>	<b>Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số</b>					
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối để đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	

				đầu tư từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ		
8	<b>Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số</b>					
8.1	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối nguồn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để chi thường xuyên cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi thường xuyên từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
9	<b>Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền</b>					
9.1	Số lượng vấn đề lấy ý kiến người dân	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối đa 10 ý kiến/ năm, mỗi ý kiến 1 điểm	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	
9.2	Tỉ lệ trả lời hỏi đáp trên Cổng/ Trang TTĐT	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các câu hỏi được trả lời	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	